

Bản án số: 29/2024/HS-PT

Ngày: 11/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;

Ông Vũ Minh Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Ông Vũ Quang Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 881/2023/TLPT-HS ngày 22 tháng 08 năm 2023 đối với bị cáo Đỗ Đức H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 33/2023/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Đỗ Đức H, sinh năm 1960 tại tỉnh Hưng Yên; nơi ĐKKHKT: Đô thị mới ĐK, quận HM, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Đường CC, tổ N, phường LKT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH xây lắp công nghiệp HN; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K (đã chết) và bà Hoàng Thị T; có vợ là bà Nguyễn Thị Bích N (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/12/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh HN. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Đức H:** Luật sư Lê Văn L - Văn phòng Luật sư HĐTL thuộc Đoàn Luật sư HN. Có mặt.

- **Bị hại có kháng cáo:**

+ Anh Nguyễn Bá D, sinh năm 1985; địa chỉ: Đường TP, phường DB, quận BD, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Bá B, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn đội B, xã HC, huyện BL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Bá D và anh Nguyễn Bá B:* Luật sư Trịnh Thị H1 - Văn phòng Luật sư BQH và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư HN. Vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những bị hại khác và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Đức H là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH xây lắp công nghiệp HN (viết tắt là Công ty xây lắp HN), địa chỉ tại Đường CC, tổ N, phường LKT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, có ngành nghề chủ yếu là thi công các công trình điện. Trước đó Đỗ Đức H và anh Nguyễn Bá B có giao dịch bất động sản tại khu đô thị NTHĐ thành công và sinh lời.

Giai đoạn đầu năm 2008, Công ty xây lắp HN gặp khó khăn về tài chính nên H đã nảy sinh ý định đưa ra thông tin giả về việc Công ty xây lắp HN đang thi công công trình điện tại các Dự án khu đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam được trả bằng đất theo giá ưu đãi so với thị trường, có đăng ký đặt cọc tiền để mua một số lô đất tại các Dự án này mặc dù trên thực tế, Công ty xây lắp HN cũng như cá nhân H không được quyền sử dụng, không đặt cọc tiền để mua lô đất nào. Đỗ Đức H biết anh Nguyễn Bá B và anh Nguyễn Bá D là hai anh em ruột (là em họ của vợ H) có nhu cầu tìm mua quyền sử dụng đất để đầu tư kinh doanh, H bảo anh B, anh D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm chiếm đoạt tiền của hai anh, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng đầu tháng 3/2008, H nói với anh B và anh D Công ty xây lắp HN của H đang thi công công trình điện tại Dự án khu đô thị bờ Đông sông Đ thuộc phường TC, thành phố PL do Công ty TNHH TT làm chủ đầu tư. H đã đăng ký đặt cọc tiền để mua một số lô đất tại Dự án này theo giá ưu đãi của nhà đầu tư. Sau khi thanh quyết toán thi công công trình điện, Công ty TNHH TT thanh toán cho H bằng các lô đất đã đăng ký, giá của mỗi lô đất khoảng hơn 400.000.000 đồng. Nếu anh B, anh D có nhu cầu mua thì H sẽ bán lại cho mỗi người một lô đất theo giá của Công ty TNHH TT. Do tin tưởng nên anh B, anh D đồng ý mua lại 02 lô đất của H tại Dự án khu đô thị bờ Đông sông Đ (do Công ty TNHH TT làm chủ đầu tư) và thỏa thuận sau thời hạn 01 năm kể từ khi đưa tiền thì H phải có trách nhiệm bàn giao đất cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi thống nhất, cả anh D và anh B đã nhiều lần chuyển tiền cho H, cụ thể:

Ngày 08/3/2008, anh D nhờ anh trai là Nguyễn Bá N1 mang số tiền

300.000.000 (ba trăm triệu) đồng đến nhà đưa cho H mua lại một lô đất của H tại khu đô thị bờ Đông sông Đ. Sau khi nhận tiền, H đã viết giấy biên nhận thể hiện nội dung đã nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng của anh D và anh N1 là tiền mua đất, tiền vay.

Ngày 28/3/2008, anh D tiếp tục nhờ anh Nguyễn Bá N1 mang số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng đến nhà đưa cho H. Sau khi nhận tiền, H đã viết giấy biên nhận thể hiện nội dung có nhận của anh D số tiền 100.000.000 đồng là tiền mua đất, vay lãi suất.

Ngày 20/8/2009, anh D trực tiếp mang số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng đến nhà đưa cho H. Sau khi nhận tiền, H đã viết giấy biên nhận thể hiện nội dung có nhận số tiền 200.000.000 đồng để mua cho anh D 02 lô đất tại khu đô thị bờ Đông sông Đ.

Ngày 26/5/2008, anh B đã đến nhà đưa cho H số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Sau khi nhận tiền, H đã viết giấy biên nhận thể hiện nội dung có nhận của vợ chồng anh B số tiền 150.000.000 đồng là tiền đặt cọc mua đất.

Ngày 12/12/2009, anh B tiếp tục mang số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng đến nhà đưa cho H. Sau khi nhận tiền, H đã viết giấy biên nhận thể hiện nội dung vay của anh B số tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền anh B, anh D đã giao cho H để mua 02 lô đất là 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng. Sau khi nhận tiền, H đã sử dụng mục đích cá nhân, không đăng ký đặt cọc mua đất cho anh D và anh B.

Đến thời hạn, anh B, anh D đã nhiều lần liên lạc, gặp gỡ yêu cầu H bàn giao 02 lô đất thì H tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là các lô đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa có đất để giao. Sau đó, H tự viết giấy với nội dung đã đặt cọc số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để đăng ký mua 02 lô đất tại Dự án khu đô thị bờ Đông sông Đ khi nào anh B, anh D yêu cầu bàn giao 02 lô đất thì sẽ mang tờ giấy này ra cho anh B, anh D xem để họ tin tưởng, không yêu cầu H phải bàn giao đất. Đến khoảng năm 2011, khi anh D đến nhà yêu cầu H bàn giao đất thì H đã đưa tờ giấy này cho anh D xem nên anh D không đòi giao đất.

Vụ thứ hai: Đầu tháng 8/2012, Đỗ Đức H đưa cho anh Nguyễn Bá B xem Giấy uỷ quyền số 111/GUQ ngày 15/9/2011 do Chủ tịch UBND xã LC (nay là phường LC) ký với nội dung UBND xã LC uỷ quyền cho Công ty xây lắp HN làm thủ tục hành chính trình hồ sơ đến Sở Công thương tỉnh HN và Công ty điện lực HN để cho Công ty xây lắp HN thi công công trình đường dây 22KV và các trạm biến áp, đường dây hạ thế, hệ thống chiếu sáng khu đất dịch vụ 7% (vị trí 1, vị trí 2) tại xã LC, thành phố PL. Thực tế tại thời điểm tháng 8/2012, Công ty xây lắp HN của H không ký hợp đồng với UBND xã LC và chủ đầu tư Dự án khu đô thị LC để thi công công trình điện, bản thân H cũng không có lô đất nào tại Dự án này nhưng H nói với anh B là Công ty xây lắp HN đang thi công công

trình diện tại Dự án khu đô thị LC, thành phố PL, trong đó có vốn đầu tư Dự án được trả bằng đất và H đã có một số lô đất tại Dự án này, nếu anh B có nhu cầu thì H sẽ bán lại cho anh B 03 lô đất tại Dự án này theo giá của UBND tỉnh HN, do tin tưởng là thật nên anh B đã đồng ý mua lại của H 03 lô đất của H tại Dự án khu đô thị LC, H yêu cầu anh B phải đưa trước số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, khi nào có giá đất của UBND tỉnh HN áp dụng đối với khu đô thị LC thì hai bên sẽ thanh toán đối trừ sau.

Ngày 06/8/2012, anh B đến nhà đưa cho H số tiền một tỷ đồng, hai bên thoả thuận sau thời hạn 01 năm kể từ khi đưa tiền để mua đất thì H phải có trách nhiệm bàn giao đất cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 03 lô đất tại Dự án khu đô thị LC cho anh B. Khi nhận tiền, H đã viết Giấy biên nhận nội dung: H làm công trình điện tại Dự án khu đô thị LC trong đó có đầu tư vốn để lấy đất và H đồng ý bán lại cho anh B 03 lô đất tại Dự án này theo giá đất của UBND tỉnh HN đưa ra.

Đến tháng 5/2013, H đưa ra lý do cần tiền để đi làm các thủ tục đẩy nhanh việc mua đất và bàn giao đất cho anh B tại khu đô thị LC rồi yêu cầu anh B tiếp tục đưa tiền. Ngày 21/5/2013, anh B đã đến nhà đưa cho H số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Khi nhận tiền, H viết Giấy biên nhận thể hiện nội dung “*vay của anh B số tiền 100 triệu đồng này*”. Sau khi nhận được tổng số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng của anh B thì H đưa cho anh B xem một bản phôi sơ đồ vị trí các lô đất và nói đây là sơ đồ vị trí các lô đất thuộc khu đô thị LC, đồng thời chỉ cho anh B vị trí 10 lô đất mà H đã mua, trong đó có 03 lô đất mà H đã bán lại cho anh B. Toàn bộ số tiền 1.100.000.000 đồng nhận của anh B thì H đã sử dụng hết vào các mục đích cá nhân.

Vụ thứ ba: Giữa Đỗ Đức H và ông Lương Quốc T1 có mối quan hệ quen biết với nhau. Năm 2013, ông T1 có con gái là chị Lương Thị Thanh N2 tốt nghiệp Đại học sư phạm KTHY nhưng chưa xin được việc làm. Do biết H là Giám đốc Công ty xây lắp HN và cũng là nhân viên của Công ty Điện lực HN nên ông T1 đặt vấn đề nhờ H xin cho chị N2 vào làm việc trong ngành điện lực. H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông T1 nên đã nhận lời và bảo ông T1 chuẩn bị sẵn hồ sơ xin việc của chị N2.

Ngày 02/10/2013, H nói với ông T1 là đã hỏi được chỗ xin việc cho chị N2 vào ngành điện lực, yêu cầu ông T1 đưa bộ hồ sơ xin việc của chị N2 cùng số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng để H chi phí đi xin việc cho chị N2 rồi trực tiếp đến nhà ông T1 nhận bộ hồ sơ xin việc của chị N2 cùng số tiền 120.000.000 đồng; khi nhận tiền, H đã viết giấy biên nhận thể hiện nội dung vay của ông T1 số tiền 120.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H mang bộ hồ sơ xin việc của chị N2 về nhà cất vào trong két sắt còn số tiền 120.000.000 đồng thì H chi tiêu cho mục đích cá nhân.

Anh D, anh B, ông T1 đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng H không trả nên đã tố cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh HN có Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh HN giám định chữ viết, chữ ký đối với 07 tài liệu ký hiệu từ A1 đến A7 so sánh với mẫu chữ ký, chữ viết của Đỗ Đức H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 và M3. Tại bản Kết luận giám định số 109/KL-KTHS ngày 24/3/2023, Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh HN kết luận: “*Chữ ký đúng tên Đỗ Đức H và chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 so với chữ ký, chữ viết của Đỗ Đức H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 và M3 là do cùng một người ký, viết ra*”.

Quá trình điều tra, truy tố Đỗ Đức H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 1.350.000.000 (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng chiếm đoạt của anh Nguyễn Bá B, trước khi bị khởi tố, Đỗ Đức H đã trả lại cho anh B 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, anh B cho rằng số tiền này là tiền lãi, yêu cầu H phải trả lại 1.350.000.000 đồng. Đối với số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng chiếm đoạt của anh Nguyễn Bá D thì bị cáo chưa bồi thường.

Đối với số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng nhận của ông Lương Quốc T1, trước khi bị khởi tố, Đỗ Đức H đã trả lại cho ông T1 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; giai đoạn điều tra, bà Nguyễn Thị Bích N là vợ của H đã trả cho ông T1 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Đến nay, ông T1 không có yêu cầu gì khác và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt đối với H.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2023/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố Đỗ Đức H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Đỗ Đức H 18 (Mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 19/12/2022.

Về hình phạt bổ sung: Phạt Đỗ Đức H 10.000.000 (mười triệu) đồng sung Ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Đức H còn phải trả anh Nguyễn Bá B số tiền là 1.280.000.000 (một tỷ hai trăm tám mươi triệu) đồng, phải trả anh Nguyễn Bá D số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, bị cáo Đỗ Đức H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21 và ngày 22 tháng 7 năm 2023, bị hại là anh Nguyễn Bá D, anh Nguyễn Bá B cùng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm:

- Tăng hình phạt đối với bị cáo Đỗ Đức H, không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; yêu cầu xử phạt riêng hành vi phạm tội của bị cáo lừa đảo chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng của ông Lương Quốc T1 vào năm 2012 – 2013 theo khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Bị hại Nguyễn Bá B đề nghị tính lãi 12% đối với tổng số tiền 1.350.000.000 đồng kể từ ngày bị hại Nguyễn Bá B đưa tiền cho bị cáo; bị hại Nguyễn Bá D yêu cầu bồi thường thiệt hại theo giá trị tài sản lẽ ra anh được hưởng là 01 lô đất tại khu đô thị bờ đông sông Đ.

- Kê biên tài sản của bị cáo Đỗ Đức H là nhà đất tại số 24 CC, phường LKT và xe ô tô nhãn hiệu Lexus BKS 30N-9129 để đảm bảo thi hành án.

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích N là vợ bị cáo Đỗ Đức H có trách nhiệm liên đới trong việc bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại.

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu người tham gia tố tụng, không đưa vợ anh Nguyễn Bá D, vợ anh Nguyễn Bá B tham gia tố tụng với tư cách bị hại; Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây lắp công nghiệp HN là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bị hại Nguyễn Bá B còn đề nghị xác định số tiền 70.000.000 đồng bị cáo trả cho anh Nguyễn Bá B là số tiền lãi trên số tiền gốc bị cáo đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Bá B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và xuất trình tài liệu thể hiện ngày 15/11/2023, bị cáo đã nộp tổng số tiền 35.000.000 đồng gồm tiền phạt bổ sung, tiền án phí dân sự sơ thẩm, hình sự sơ thẩm và ngày 05/01/2024 bị cáo đã nộp tổng số tiền 940.000.000 đồng bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại là anh Nguyễn Bá D, anh Nguyễn Bá B; ngoài ra, bị cáo còn xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo đã tham gia quân đội bảo vệ Tổ quốc, hiện bị cáo tuổi đã cao, đang mắc nhiều bệnh nặng, sức khỏe yếu, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại là anh Nguyễn Bá D, Nguyễn Bá B vắng mặt giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Đức H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy

định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu mới thể hiện đã tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, đã thi hành xong hình phạt bổ sung và án phí sơ thẩm. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Đỗ Đức H từ 02 đến 03 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Ngoài việc bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả ở cấp sơ thẩm, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tác động gia đình tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 940.000.000 đồng cho bị hại, việc tích cực bồi thường thể hiện thái độ ăn năn hối cải; ngoài ra, bị cáo công tác trong quân đội từ 1978 đến 1988, thậm chí còn trong Trung đoàn E Đặc khu QN tham gia chiến tranh biên giới, bảo vệ tổ quốc là tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử trên cơ sở bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, từ đó áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, giúp bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội; không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại do không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo Đỗ Đức H tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các Kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

- Với mục đích hám lợi, lợi dụng sự tin tưởng của anh Nguyễn Bá B do trước đó giữa bị cáo và bị hại đã đầu tư chung thành công và sinh lời, biết rõ mình không có tài sản, không có quyền về tài sản hình thành trong tương lai nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 3/2008 đến tháng 5/2013, Đỗ Đức H đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra các thông tin không có thật về thi công công trình được thanh toán bằng đất với giá ưu đãi làm cho anh Nguyễn Bá D, anh Nguyễn Bá B tưởng là thật nên đã giao tiền cho H chiếm đoạt. Cụ thể:

+ Từ ngày 08/3/2008 đến ngày 20/8/2009, Đỗ Đức H đã nhận của anh Nguyễn Bá D 600.000.000 đồng, anh Nguyễn Bá B 250.000.000 đồng để mua của Hình 02 lô đất tại Dự án khu đô thị bờ Đông sông Đ;

+ Từ ngày 06/8/2012 đến ngày 21/5/2013, Đỗ Đức H đã nhận của anh Nguyễn Bá B số tiền là 1.100.000.000 đồng để bán cho anh B 03 lô đất tại Dự

án đất dịch vụ 7% khu đô thị LC;

- Lợi dụng sự tin tưởng của ông Lương Quốc T1 cho rằng Đỗ Đức H là Giám đốc Công ty xây lắp HN và cũng là nhân viên của Công ty Điện lực HN nên có chức năng, nhiệm vụ xin việc cho người khác vào làm việc trong ngành Điện lực HN, Đỗ Đức H đã đưa ra thông tin gian dối có khả năng xin việc cho chị Lương Thị Thanh N2 là con gái ông Lương Quốc T1 vào làm trong ngành Điện lực. Ngày 02/10/2013, Đỗ Đức H đã nhận của ông Lương Quốc T1 số tiền 120.000.000 đồng để xin việc cho chị Đỗ Thị Thanh N2 sau đó chiếm đoạt, sử dụng để chi tiêu cá nhân.

Tổng số tiền Đỗ Đức H lừa đảo chiếm đoạt của 03 bị hại là 2.070.000.000 đồng.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Đức H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Do cấu thành cơ bản, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, chính sách hình sự đối với tội này tại Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 là như nhau nhưng Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ hơn về hậu quả hành vi chiếm đoạt nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội.

Việc cấp sơ thẩm không tách riêng hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Lương Quốc T1 để xét xử bị cáo thành một tội danh độc lập theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà truy tố, xét xử bị cáo về các hành vi phạm tội trong cùng một vụ án theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại về nội dung này.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Đức H xin giảm hình phạt và kháng cáo của bị hại là anh Nguyễn Bá D, anh Nguyễn Bá B đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 2 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đã tự nguyện trả lại bị hại là anh Nguyễn Bá B số tiền 70.000.000 đồng, trả lại ông Lương Quốc T1 số tiền 120.000.000 đồng và được ông Lương Quốc T1 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục xuất trình tài liệu mới thể hiện bị cáo đã tác động người thân tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại là anh Nguyễn Bá B số tiền 640.000.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số 0000048 ngày 05/01/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Nam) và số

tiền 300.000.000 đồng bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại là anh Nguyễn Bá D (theo Biên lai thu tiền số 0000040 ngày 05/01/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Nam). Ngoài ra, bị cáo còn xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo từng có thời gian công tác trong quân đội, nhập ngũ tháng 5/1978, xuất ngũ tháng 7/1987 được Bộ C tỉnh Hải Dương giới thiệu chuyển ngành về Công ty ĐL I – Sở Điện lực HN công tác và hưởng lương; bị cáo đã thi hành xong tiền phạt bổ sung, án phí dân sự và hình sự sơ thẩm là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc, xem xét tới tính chất, mức độ hành vi, đối chiếu với các quy định pháp luật và các vụ án về tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì thấy rằng xuất phát từ hoàn cảnh, công việc của bị cáo cần tiền làm ăn, bị cáo đã có hành vi gian dối lợi dụng lòng tin của các bị hại đều là người thân của bị cáo để chiếm dụng tiền nhưng sau khi phạm tội bị cáo cũng đã bồi thường, khắc phục hậu quả phần lớn số tiền đã chiếm đoạt của những bị hại và có ý thức, mong muốn được tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo đã tuổi cao, sức khỏe yếu, gia đình hoàn cảnh éo le, vợ bị cáo đã ly hôn, với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới như đã nêu ở trên, thì có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, giúp bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập cùng cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật mà vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3]. Xét các yêu cầu kháng cáo còn lại của bị hại là anh Nguyễn Bá D, anh Nguyễn Bá B:

Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của 02 bị hại tổng số tiền là 1.950.000.000 đồng với thủ đoạn gian dối là đưa ra các thông tin không có thật về thi công công trình được thanh toán bằng đất với giá ưu đãi để bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo chiếm đoạt; tội phạm hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo nhận tiền của bị hại, không được xác định là giao dịch dân sự có thỏa thuận về lãi cũng như thời hạn trả nợ nên không được áp dụng quy định về tính lãi đối với tài sản là tiền bị chiếm đoạt; trong vụ án hình sự, sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là tiền, người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 70.000.000 đồng là số tiền gốc bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại là anh Nguyễn Bá B sau khi thực hiện hành vi phạm tội là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu bị cáo bồi thường bằng giá trị lô đất lẽ ra bị hại được hưởng và yêu cầu tính lãi trên số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản kể từ thời điểm bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt cho đến khi bị cáo thi hành xong, căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự và điểm a Điều 6 Nghị quyết số 02/2022/NQ-

HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 về “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”, điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*” của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt mà không buộc bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản lẽ ra bị hại được hưởng theo hứa hẹn của bị cáo (được xác định là thủ đoạn gian dối) hay buộc bị cáo phải chịu số tiền lãi của số tiền lừa đảo chiếm đoạt tài sản là phù hợp quy định pháp luật. Bị cáo hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

Đối với yêu cầu kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án, trong trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Do đó, bị hại có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án thực hiện kê biên tài sản của bị cáo khi bản án phúc thẩm có hiệu lực theo quy định pháp luật.

Bị cáo là người trực tiếp lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại là anh Nguyễn Bá B, anh Nguyễn Bá D, do đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại thuộc về bị cáo theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự cho chính bị hại chứ không phải trách nhiệm liên đới của vợ bị cáo hay cá nhân, tổ chức nào khác. Quá trình thi hành án, Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền sẽ tiến hành xác minh tài sản hợp pháp của bị cáo để đảm bảo thi hành án. Trường hợp vợ chồng bị hại có tranh chấp về số tiền bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác sau khi đáp ứng được quy định của Pháp luật Tố tụng dân sự. Do đó, kháng cáo của bị hại về nội dung này cũng như nội dung đề nghị đưa vợ bị hại vào tham gia tố tụng với tư cách bị hại là không có cơ sở chấp nhận. Về yêu cầu đưa Công ty xây lắp HN vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty xây lắp HN không tham gia thực hiện hành vi phạm tội, không gây thiệt hại đối với bị hại do đó, việc phải đưa Công ty xây lắp HN vào tham gia tố tụng là không cần thiết.

[4]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại là anh Nguyễn Bá D, anh Nguyễn Bá B như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm và Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Đỗ Đức H không

phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị hại là anh Nguyễn Bá D, anh Nguyễn Bá B không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Bá D, Nguyễn Bá B; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Đức H; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2023/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam về hình phạt đối với bị cáo, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Đức H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Đỗ Đức H 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 19/12/2022.

Về hình phạt bổ sung: Phạt Đỗ Đức H 10 (mười triệu) đồng sung Ngân sách Nhà nước.

2. Ghi nhận bị cáo Đỗ Đức H tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại là anh Nguyễn Bá B số tiền 640.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0000048 ngày 05/01/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Nam và số tiền 300.000.000 đồng bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại là anh Nguyễn Bá D theo Biên lai thu số 0000047 ngày 05/01/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Nam.

Bị cáo Đỗ Đức H còn phải bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại là anh Nguyễn Bá B số tiền là 640.000.000 (sáu trăm bốn mươi triệu) đồng và anh Nguyễn Bá D số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Ghi nhận bị cáo Đỗ Đức H đã nộp số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng gồm 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung; 24.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0000011 ngày 15/11/2023 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Nam. Xác nhận bị cáo Đỗ Đức H đã thi hành xong khoản tiền phạt bổ sung là phạt tiền sung Ngân sách Nhà nước và án phí dân sự sơ thẩm, hình sự sơ thẩm.

2. Bị cáo Đỗ Đức H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hà Nam;
- TTG – Công an tỉnh Hà Nam
- Bị cáo (qua TTG);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu: P. HCTP, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm